

Bản án số: 110/2019/DS-PT

Ngày: 28 - 8 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga

Các Thẩm phán: Bà Trương Tổ Hương

Ông Phạm Hùng Nuôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Tăng Thị Thúy Hằng
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27 và 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS -ST ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 169/2019/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Sơn S, sinh năm 1940.

Địa chỉ: xã Thạnh T, huyện Thạnh Tr, tỉnh B (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Cao Minh H, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Xã Lâm T, huyện Thạnh Tr, tỉnh B (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị D (Nh), sinh năm 1958.

Địa chỉ: Xã Lâm T, huyện Thạnh Tr, tỉnh B (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị D (Nh): Ông Cao Minh H, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Xã Lâm T, huyện Thạnh Tr, tỉnh B (có mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Cao Minh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Sơn S trình bày:

Vào năm 2015, ông Sơn S có cho ông Cao Minh H vay nhiều lần với tổng số tiền là 385.000.000 đồng (ba trăm tám mươi lăm triệu đồng), mục đích vay để sử dụng chung trong gia đình, thời hạn vay là khi nào ông S cần thì sẽ lấy lại. Việc vay mượn tiền có làm biên nhận và có chữ ký của ông Cao Minh H, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 14/12/2015, ông H vay số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, cũng trong năm 2015 ông H có vay thêm hai lần với số tiền là 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng), trong đó một lần vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và lần tiếp theo vay thêm 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Tổng số tiền ông H vay trong năm 2015 là 325.000.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm triệu đồng).

- Vào ngày 23/02/2016, ông H vay số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng.

Đến ngày 10/8/2016, ông H đã trả cho ông S số tiền là 367.500.000 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Như vậy, ông H còn nợ ông S số tiền là 17.500.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Nay ông Sơn S yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Cao Minh H và vợ là bà Nguyễn Thị D (Nh) trả cho ông Sơn S số tiền là 17.500.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền này không yêu cầu tính lãi suất.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Cao Minh H trình bày:

Ông H thừa nhận có vay của ông S số tiền là 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng) cụ thể: vào ngày 14/12/2015 ông vay 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) với lãi suất là 3%/tháng; ngày 23/02/2016 vay thêm 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) với lãi suất là 5%/tháng. Cả hai lần vay đều có làm biên nhận. Sau đó ông S yêu cầu ông trả vốn và lãi, do không có khả năng trả nên giữa ông và ông S thỏa thuận đến ngày 10/8/2016 sẽ trả đủ và nói ông S tính các khoản lãi trên số tiền vốn ông đã vay cho đến ngày 10/8/2016 ông sẽ trả đủ một lần. Ông S đã tính lãi 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và ghi thêm vào biên nhận ngày 14/12/2015, do là chỗ quen biết nên ông H đồng ý các khoản lãi ông S đã tính và ký vào biên nhận. Đối với số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) được ghi trong biên nhận ngày 14/12/2015 thì ông không thống nhất do số tiền này ông S ghi nhầm và ông có nói ông S làm lại biên nhận nhưng ông S không làm. Đồng thời ông S có mượn của ông số tiền là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), ông không nhớ rõ thời gian. Khi đến ngày trả tiền ông có yêu cầu ông S trừ lại nhưng ông S không đồng ý, ông mới yêu cầu ông S làm biên nhận cộng thêm số tiền 7.500.000

đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), tổng cộng là 367.500.000 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa, ông H không đồng ý trả theo yêu cầu của ông S do ông không còn nợ tiền ông S mà đã trả dư cho ông S 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, đối với tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) này thì ông không yêu cầu ông S hoàn trả.

3. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D (Nh) trình bày:

Bà không biết việc thỏa thuận vay tiền giữa ông H và ông S, do đó đối với yêu cầu của ông S thì bà không đồng ý.

Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm. Tại bản án sơ thẩm 19/2019/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2019 đã quyết định: căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Sơn S buộc bị đơn ông Cao Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D (Nh) có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Sơn S số tiền còn nợ là 17.500.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 13/6/2019, bị đơn ông Cao Minh H kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Sơn S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Cao Minh H và căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của bị đơn là hợp lệ và đúng theo luật định.

Về nội dung:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các bên đương sự đều thống nhất với nhau về việc ông Cao Minh H có vay của ông Sơn S số tiền là 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng) theo biên nhận vay tiền ngày 14/12/2015 và ngày 23/02/2016 và ngày 10/8/2016 ông Sơn S có nhận của ông Cao Minh H số tiền 367.500.000đ. Đây là những tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chỉ tranh chấp với nhau số tiền 125.000.000đ ghi trong biên nhận ngày 14/12/2015 (bút lục 20) là tiền vốn hay tiền lãi.

[2] Đối với số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) được ghi trong biên nhận ngày 14/12/2015 (bút lục số 20), nguyên đơn ông Sơn S cho rằng đây là số tiền ông H đã vay của ông. Bị đơn ông H thừa nhận trong số tiền 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) thì 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) là tiền lãi mà ông đã thỏa thuận với ông S, còn 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) là số tiền tính nhằm nên ông có nói với ông S ghi lại nhưng ông S không đồng ý nhưng ông không có chứng cứ chứng minh trình bày đối với số tiền 25.000.000 đồng này. Căn cứ vào lời trình bày của các bên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Tại biên nhận nợ ngày 14/12/2015 (bút lục số 20) thể hiện:

“Thêm 100.000.000^d

Lãi

Cộng thêm 25.000.000^d

Lãi

Tổng cộng là 125.000.000^d

<Một trăm hai mươi lăm triệu đồng>

Chữ ký và tên Cao Minh H”

[2.2] Nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm thừa nhận: Chữ viết trong đoạn nêu trên là do nguyên đơn viết, màu mực khác với đoạn biên nhận phần trên, chữ ký và tên Cao Minh H do bị đơn ký và viết tên.

[2.3] Nguyên đơn ông Sơn S khai là 125.000.000 đồng này là tiền vốn, bị đơn Cao Minh H khai là tiền lãi. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn

khai: “số tiền 125.000.000đ ghi trong biên nhận do nguyên đơn ghi theo yêu cầu của bị đơn, bị đơn yêu cầu nguyên đơn ghi là tiền lãi thì bị đơn mới chịu ký tên nên nguyên đơn ghi trong biên nhận là thêm 100.000.000đ lãi và 25.000.000đ lãi, tổng cộng 125.000.000đ”. Lời khai này của nguyên đơn là phù hợp với lời khai của bị đơn và phù hợp với chứng cứ là biên nhận ngày 14/12/2015 (bút lục 20) vì trong đoạn viết tay nêu trên chính nguyên đơn tự ghi không thể hiện có chữ nào xác định 125.000.000 đồng này là tiền vốn. Do vậy, có căn cứ để xác định số tiền 125.000.000 đồng nguyên đơn ghi trong biên nhận ngày 14/12/2015 là tiền lãi.

[2.4] Từ những chứng cứ và phân tích nêu trên có căn cứ xác định: tổng số tiền vốn nguyên đơn cho bị đơn vay là 260.000.000 đồng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn tiền vốn và tiền lãi tổng cộng là 367.500.000 đồng, nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền vốn vay còn lại 17.500.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Kháng cáo của bị đơn đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận vì bị đơn đã trả xong số tiền số vốn vay của nguyên đơn. Về lãi suất do các bên không có yêu cầu xem xét lại phần lãi suất nên không đặt ra xem xét.

[2.5] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa về việc không chấp nhận kháng cáo của ông H là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên án phí sơ thẩm cũng được sửa lại cho phù hợp, cụ thể là ông Sơn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 875.000 đồng, tuy nhiên ông Sơn S là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nên ông Sơn S được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông Cao Minh H và bà Nguyễn Thị D (Nh) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên ông Cao Minh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 309, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Cao Minh H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Sơn S về việc buộc bị đơn ông Cao Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D (Nh) có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Sơn S số tiền còn nợ là 17.500.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Sơn S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Cao Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D (Nh) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Cao Minh H không phải chịu được, nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0008212 ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Tăng Thị Thúy Nga